

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2642/2023/DS-ST

Ngày: 27/7/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo;

2. Ông Phạm Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2023/TLST-DS ngày 22/02/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3797/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Phương H, sinh năm 1965

Địa chỉ: 24/5/1 đường N, Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1957; Địa chỉ: 45/14 đường H, phường L, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh – (có mặt).

(theo văn bản ủy quyền số chứng thực số 76, quyền số 01/2023-SCT/CK,ĐC lập ngày 31/01/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường 25, quận Bình Thạnh, TP.HCM).

2. Bị đơn: Ông Trần T, sinh năm: 1989 – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 10 đường T, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngày 27/5/2021, bà Võ Thị Phương H có cho ông Trần T vay số tiền 350.000.000 đồng với lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn vay là 01 năm (hạn trả nợ là ngày 27/5/2022). Từ lúc vay tiền đến nay, ông T không trả cho bà Hòa tiền nợ và tiền lãi theo thỏa thuận. Mặc dù, bà H nhiều lần nhắc nhở yêu cầu trả nợ,

nhưng ông Trần T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc cũng như tiền lãi mà hứa hẹn nhiều lần. Nhận thấy, quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm nghiêm trọng nên bà Võ Thị Phương H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần T trả lại số tiền gốc đã mượn là 350.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/5/2021 đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 27/7/2023) là 26 tháng, trên số dư nợ gốc đã vay với mức lãi suất thỏa thuận là 1,2%/tháng, với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu phải trả là 109.200.000 đồng.

(2) Tại bản tự khai ngày 08/6/2023, bị đơn ông Trần T xác nhận: Ngày 27/5/2021, ông T có mượn của bà Võ Thị Phương H số tiền 350.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 1,2%/tháng, thời hạn vay là 01 năm (từ ngày 27/5/2021 đến ngày 27/5/2022), mục đích ông T vay tiền là dùng để kinh doanh cá nhân. Nhưng do dịch bệnh Covid-19 ông T làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả tiền lãi cũng như tiền nợ gốc cho bà H. Nay bà Võ Thị Phương H khởi kiện trả lại tiền gốc và 20 tháng tiền lãi tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện, thì ông T đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Tuy nhiên, không có khả năng trả một lần, đề nghị mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra ông T còn xác nhận, việc vay tiền với mục đích kinh doanh cá nhân, ông T cam kết tự mình chịu trách nhiệm trả cho bà H, không liên quan đến Vợ của ông T và người nào khác. Đồng thời ông T nộp đơn xin được giải quyết vắng mặt trong suốt toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, với lý do, bận nhiều công việc không có thời gian đến Tòa án.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Bị đơn ông Trần T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trần T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, áp dụng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa bà Võ Thị Phương H với ông Trần T phát sinh tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn ông Trần T có đăng ký cư trú và thực tế đang cư trú tại căn nhà số 10 đường Thái Thuận, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần T có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 27/5/2021, bà Võ Thị Phương H có cho ông Trần T vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay là một năm, ngày trả nợ là 27/5/2022, lãi suất cho vay các bên thỏa thuận 1,2%/tháng. Như vậy, giữa bà H và ông T đã xác lập hợp đồng vay tiền có thời hạn và có lãi, đến hạn trả nợ theo thỏa thuận thì bên vay là ông T phải có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận và tiền lãi phát sinh trong hạn, nếu quá hạn thì bên vay ông T ngoài việc trả lại tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn thì phải trả tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/5/2021 đến ngày 27/7/2023 trên mức lãi suất các bên đã thỏa thuận 1,2%/tháng là 109.200.000 đồng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với thời gian vay tiền và thời gian nợ quá hạn của các bên, được bị đơn ông Trần T xác nhận, và phù hợp với quy định tại Điều 463, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Võ Thị Phương H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần T có nghĩa vụ trả ngay một lần cho bà Võ Thị Phương H tổng số tiền là 459.200.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 109.200.000 đồng.

Kể từ ngày bà Võ Thị Phương H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng ông T còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 22.368.000 đồng buộc ông Trần T phải nộp theo quy định. Trả lại cho bà Võ Thị Phương H số tiền tạm ứng án phí 10.680.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0008087 ngày 17/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên